TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Diễn
Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị Ma R, sinh ngày 01/01/1991; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lâm Thành N, sinh ngày 30/4/1992; Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R trình bày: Vào năm 2014 chị với anh Lâm Thành N mai mối rồi quen biết, yêu thương nhau, qua một thời gian tìm hiểu nên chị với anh Lâm Thành N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và được sự đồng ý của 02 bên gia đình bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt Nam, đến ngày 03/10/2014 chị với anh Lâm Thành N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo giấy chứng nhận số 87/2014, quyển số 01/2014). Trong quá trình chung sống chị với

anh Lâm Thành N có 01 con chung tên Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015. Quá trình chung sống chị với anh Lâm Thành N không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai, không ai nợ chị với anh Lâm Thành N. Sau khi kết hôn chị với anh Lâm Thành N về sống tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nhưng được một thời gian, đến năm 2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng về lối sống, tính tình hai người không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2016 chị đã đưa con về sinh sống ở nhà cha, mẹ ruột cho đến nay và ly thân với anh Lâm Thành N từ thời gian này, hiện nay ai cũng có cuộc sống riêng. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thành N. Về con chung: Chị với anh Lâm Thành N có 01 người con chung tên Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Lâm Thành N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024 bị đơn anh Lâm Thành N trình bày: Anh có lời trình bày như chị Sơn Thị Ma R về quá trình quen biết, kết hôn, mâu thuẫn gia đình, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị Sơn Thị Ma R. Về con chung: Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015 anh đồng ý giao cho chị Sơn Thị Ma R nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không muốn gặp mặt chị Sơn Thị Ma R nên anh xin xét xử vắng mặt.

Ý Kiến của cháu Lâm Tâm N1: Cha tên Lâm Thành N và mẹ tên Sơn Thị Ma R. Cha, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ vì từ nhỏ đến nay sống với mẹ chăm sóc rất tốt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R và anh Lâm Thành N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Sơn Thị Ma R và anh Lâm Thành N xác lập hôn hệ hôn nhân tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2014, quyển số 01/2014 là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2016 cho đến nay không thể hàn gắn được. Sau khi thụ lý giải quyết Tòa án đã triệu tập chị R, anh N đến hoà giải động viên nhưng anh N vẫn không thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị R. Về con

chung tên Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015, chị R và anh N đã thống nhất giao con chung cho chị R nuôi dưỡng và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị R yêu cầu ly hôn với anh N; Về con chung tên Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015 giao cho chị R nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 được sống chung với mẹ) và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thành N và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lâm Thành N có nơi cư trú trên trên địa bàn huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Chị Sơn Thị Ma R và anh Lâm Thành N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị R và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/10/2014 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87/2014, quyển số 01/2014), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân có đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị R, anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt được kết quả và đã ly thân không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị R xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên yêu cầu ly hôn, còn anh N không đến Tòa án để giải quyết cũng như thể hiện ý chí không mong muốn hàn gắn tình cảm, níu giữ cuộc hôn nhân và anh N có ý kiến đồng ý ly hôn với chị R. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị R và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị R được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị R và anh N có 01 người con chung là Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015 hiện đang do chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2016 cho đến nay. Ly hôn, chị R yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng và anh N thống nhất giao con chung cho chị R nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lâm Tâm N1 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí mong muốn của con chung, có cơ sở cho sự phát triển của con chung và cho con chung có cuộc sống ổn định. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị R và anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R phải chịu theo quy định.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R.

1. Về hôn nhân: Cho chị Sơn Thị Ma R được ly hôn với anh Lâm Thành N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Tâm N1, sinh ngày 25/01/2015 cho chị Sơn Thị Ma R nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Tâm N1 được sống chung với mẹ) và anh Lâm Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nợ chung: Chị Sơn Thị Ma R và anh Lâm Thành N xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nguyên đơn chị Sơn Thị Ma R phải chịu nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003520 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Chị Sơn Thị Ma R đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Kim Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Tiền